

B GIAO THÔNG V N T I
B GIAO THÔNG V N T I

C NG Hđ A Xí H I CH NGH A VI T NAM
ñ c l p - T do - H nh ph^{3/4}c

B NG ã I M CHI TI T MĐN H C - MĐN KI M TRA

NÑm h c : 2013-2014

L p h c : T t c

H c km : HK01

M»n h c : Qu n Lĩ v©khai th" c L ng

STT	MÃ SV	H Vĩ Tĩ N		H S 2						H S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
1	3551010193	Ph m Vi t	Anh	7.0	7.0	7.0				7.0			7.0	7.0			
2	3551010159	Lê Thanh	Bình	5.0	5.0	4.0				3.0			4.1	4.1			
3	3551010001	Phan Thanh	Chi n	5.0	5.0	5.0				4.0			4.7	4.7			
4	3551010227	Lê Khánh	Duy	8.0	8.0	9.0				5.0			7.2	7.2			
5	3551010379	Bùi Hoàng	ñ o	0.0	0.0	0.0				0.0			0.0	0.0			
6	3551010163	Tr n Ti n	ñ t	6.0	8.0	8.0				6.0			6.9	6.9			
7	3551010174	ñ © ã nh	Hào	6.0	6.0	8.0				3.0			5.4	5.4			
8	3551010287	Nguy n VÑh	Hi n	6.0	7.0	8.0				5.0			6.3	6.3			
9	3551010186	Châu Thành	Hi u	7.0	8.0	8.0				7.0			7.4	7.4			
10	3551010268	H Phi	Hi u	5.0	5.0	6.0				0.0			3.6	3.6			
11	3551010359	Nguy n Minh	Hi u	7.0	8.0	8.0				8.0			7.8	7.8			
12	3551010252	Nguy n VÑh	Hòa	0.0	0.0	0.0				0.0			0.0	0.0			
13	3551010363	V½ñ nh	Hòa	0.0	0.0	0.0				0.0			0.0	0.0			
14	3551010288	Nguy n Nh t	Huy	5.0	5.0	7.0				7.0			6.1	6.1			
15	3551010257	Tr nh Thanh	Huy	8.0	8.0	6.0				3.0			5.9	5.9			
16	3551010170	Nguy n Phi	Hùng	8.0	8.0	9.0				6.0			7.6	7.6			
17	3551010239	Ph m VÑh	H ng	5.0	5.0	5.0				4.0			4.7	4.7			
18	3551010164	Nguy n VÑh	Ki t	5.0	5.0	5.0				4.0			4.7	4.7			
19	3551010218	Hoàng Xuân	Lâm	5.0	5.0	5.0				4.0			4.7	4.7			
20	3551010188	Nguy n VÑh	Linh	0.0	0.0	0.0				0.0			0.0	0.0			
21	3551010356	B¿i Nh	Long	8.0	8.0	8.0				8.0			8.0	8.0			
22	3551010179	V½T n	Long	5.0	5.0	6.0				2.0			4.2	4.2			
23	3551010267	Võ Thành	Luân	6.0	6.0	7.0				6.0			6.2	6.2			
24	3551010388	V½VÑh	Luân	9.0	9.0	7.0				8.0			8.2	8.2			
25	3551010397	Tr n Ch´	Nghĩa	5.0	5.0	5.0				2.0			4.0	4.0			
26	3551010354	Ph m ã Ñg	Nh t	8.0	8.0	9.0				8.0			8.2	8.2			
27	3551010154	Nguy n ã nh	Nh t	5.0	5.0	7.0				0.0			3.8	3.8			
28	3551010212	Huunh	Pha	0.0	0.0	0.0				0.0			0.0	0.0			
29	3551010142	Huunh VÑh	Pháp	8.0	8.0	6.0				4.0			6.2	6.2			

STT	MÃ SV	H Vị Tế N		H S 2						H S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
30	3551010151	L ² ã c	Phú	7.0	7.0	8.0				8.0			7.6	7.6			
31	3551010313	Tr ã ng Ng c	Phú	9.0	7.0	8.0				8.0			8.0	8.0			
32	3551010292	L ² ã c	Quân	7.0	8.0	6.0				3.0			5.7	5.7			
33	3551010184	Ph m VÑ	Qu c	5.0	6.0	6.0				5.0			5.4	5.4			
34	3551010155	VIOVÑ	Quy t	8.0	9.0	8.0				9.0			8.6	8.6			
35	3551010220	Phan VÑ	Quý	5.0	6.0	7.0				3.0			5.0	5.0			
36	3551010198	Ph m Minh	Sang	6.0	8.0	8.0				9.0			7.9	7.9			
37	3551010238	Cao Thanh	Tâm	8.0	8.0	7.0				4.0			6.4	6.4			
38	3551010411	L ² VÑ	Ti n	6.0	6.0	7.0				6.0			6.2	6.2			
39	3551010316	Phan Thành	T t	8.0	8.0	8.0				6.0			7.3	7.3			
40	3551010393	H ã c	Tu n	4.0	5.0	5.0				3.0			4.1	4.1			
41	3551010145	VIOVÑ	Thanh	8.0	8.0	8.0				9.0			8.3	8.3			
42	3551010202	L ² S	Thành	9.0	9.0	8.0				5.0			7.4	7.4			
43	3551010260	V ^{1/2} VÑ	Thành	5.0	7.0	7.0				5.0			5.9	5.9			
44	3551010374	Tô Mai Quang	Thái	0.0	0.0	0.0				0.0			0.0	0.0			
45	3551010205	Bùi Quang	Th ã ng	3.0	4.0	5.0				0.0			2.7	2.7			
46	3551010160	Huỳnh Minh	Thi n	9.0	9.0	8.0				9.0			8.8	8.8			
47	3551010214	L ã ng Ch´	Thông	8.0	8.0	8.0				8.0			8.0	8.0			
48	3551010416	Nguy ã n C»ng	Thùy	7.0	8.0	8.0				9.0			8.1	8.1			
49	3551010296	Tr ã n VÑ	Th c	6.0	7.0	7.0				5.0			6.1	6.1			
50	3551010341	Ph m ã ã nh	VÑ	6.0	7.0	8.0				6.0			6.7	6.7			
51	3551010147	Tr ã ng Minh	Vi t	8.0	8.0	9.0				9.0			8.6	8.6			

T ã ng s : 51 h c sinh - sinh vi² ã.

X p lo i	S l ã ng	T l (%)
ã t	34	65
Kh»ng ã t	18	34

Tp.HCM, ãg 22 th ã ng 1 ã ã ã 2014

Tr ã ng Khoa

Gi ã o vi² ã ã ã ã ã

Gi ã o v Khoa